

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành “Quy định đào tạo Đại học chính quy song song 2 văn bằng
của Viện Đại học Mở Hà Nội”**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535/TTg ngày 03/11/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 58/TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học và cao đẳng chính quy;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Viện Đại học Mở Hà Nội;

Theo đề nghị của ông (bà) trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo Đại học chính quy song song 2 văn bằng của Viện Đại học Mở Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa hợp lý, bất cập, nhà trường sẽ sửa đổi, bổ sung.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị và sinh viên, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Chủ nhiệm các Khoa, Giám đốc các trung tâm và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

VIỆN TRƯỞNG

TS. Lê văn Thanh

Nơi nhận :

- Như Điều 3

- Lưu TCHC, ĐT

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2011

QUY ĐỊNH

Về Quản lý Đào tạo Đại học chính quy Song song hai văn bằng của Viện Đại học Mở Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 476/QĐ-ĐHM-ĐT ngày 01 tháng 12 năm 2011
của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý đào tạo đại học chính quy song song 2 văn bằng (SS2VB) bao gồm: công tác tuyển sinh; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; xử lý vi phạm.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy song song 2 văn bằng ở trình độ đại học trong Viện Đại học Mở Hà Nội, thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần và áp dụng cho đào tạo chương trình thứ 2.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.
2. Chương trình được Viện Đại học Mở Hà Nội xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình khung tương ứng với một ngành đào tạo ở một trình độ đào tạo cụ thể. Mỗi chương trình có thể gắn với một ngành hoặc với một vài ngành đào tạo.
3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Tổ chức đào tạo theo khóa học và năm học.

a) Khóa học là thời gian để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau: Đào tạo trình độ đại học song song 2 văn bằng được thực hiện *từ ba đến năm năm* học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người đã học xong năm thứ nhất ở ngành đào tạo thứ nhất.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, Khoa chuyên môn có thể xem xét quyết định tổ chức thêm một học kỳ hè để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại và thi lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và một tuần thi, kiểm tra.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình, các Khoa chuyên môn phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

a) Đầu khóa học, Khoa chuyên môn phải thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

b) Đầu mỗi năm học, Khoa chuyên môn phải thông báo lịch trình học của từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ sinh viên phải đăng ký học các học phần tự chọn, các học phần sẽ học thêm hoặc các học phần chưa định học nằm trong lịch trình học của học kỳ đó với phòng đào tạo của trường, sau khi đã tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ

trách đào tạo. Nếu không đăng ký, sinh viên phải chấp nhận lịch trình học do nhà trường quy định.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất theo khoản 3, điều 4 của Quy chế 25 (Quy chế đào tạo Đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và kết thúc chương trình thứ 2 sau khi đã kết thúc chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

Điều 5. Điều kiện đăng ký và xét tuyển

1. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác với ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.

2. Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm ở chương trình thứ nhất từ 7,00 trở lên.

3. Đối với những sinh viên đã đủ điều kiện xét tuyển vào học chương trình đào tạo chính quy song song 2 văn bằng ở trình độ đại học của Viện Đại học Mở Hà Nội (theo ngành đào tạo đã đăng ký), thì sẽ được Khoa phụ trách sắp xếp vào các chương trình đã đăng ký.

Điều 6. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học

1. Trước khi vào năm học mới, Khoa phụ trách căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của năm học đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học để xét việc học tiếp, việc nghỉ học tạm thời, việc tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) thuộc năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó. Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

a) Sinh viên không thuộc diện tạm ngừng học và có điểm trung bình chung học tập cả năm học ở chương trình thứ nhất từ 6,00 trở lên.

b) Có khối lượng các học phần của năm học ở chương trình thứ 2 bị điểm dưới 5,00 tính từ đầu khóa học không quá 25 đơn vị học trình; Tại các học kỳ kế sau sinh viên phải chủ động đăng ký học lại những học phần bị điểm dưới 5,00 nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn.

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này tại trường của sinh viên. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

3. Sinh viên bị buộc ngừng học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Không đủ điều kiện quy định tại điểm a và b của khoản 1, điều 6 của quy định này;

b) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế 25;

c) Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy chế 25;

d) Trường hợp bị buộc ngừng học sinh viên được quyền bảo lưu kết quả học tập đến khi đủ điều kiện học tiếp.

4. Sinh viên không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này được quyền tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

a) Sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền tạm ngừng học tối đa một năm cho toàn khóa học. Sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên được quyền tạm ngừng học tối đa 2 năm.

b) Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký học chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn. Khoa chuyên ngành xem xét bố trí cho các sinh viên này được học một số học phần của năm học tiếp theo nếu họ đề nghị.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 7. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

1. Điểm học phần và điều kiện dự thi kết thúc học phần thực hiện theo Quy định đào tạo Đại học chính quy của Viện Đại học mở Hà Nội.

Loại đạt: điểm học phần từ 5,0 trở lên;

Loại không đạt: điểm học phần dưới 5,0.

2. Đối với sinh viên học đồng thời hai chương trình với thời gian học dài hơn, học phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Viện Đại học Mở Hà Nội cho đến khi sinh viên hoàn thành chương trình.

Điều 8. Đánh giá học phần

1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Viện trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Các học phần thực hành: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến phần nguyên là điểm học phần loại này.

3. Giảng viên trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

4. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến phần nguyên theo nguyên tắc: nếu có điểm lẻ dưới 0,5 thì làm tròn thành 0; từ 0,5 tới 1,0 thì làm tròn thành 1,0.

5. Quy định về cách đánh giá học phần:

Điểm kiểm tra: Với những học phần từ 3 ĐVHT trở xuống có 1 bài kiểm tra, những học phần từ 4 ĐVHT có 2 bài kiểm tra.

Điểm chuyên cần (ý thức tham gia học tập): Căn cứ vào số buổi nghỉ học (không có lý do) và ý thức tham gia học tập và thảo luận bài trong quá trình học tập. Việc đánh giá do giảng viên trực tiếp giảng dạy thực hiện.

Điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm thực hành, điểm đánh giá ý thức tham gia học tập,... do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá (giảng viên giảng dạy tự ra đề, chấm trả bài, công khai điểm cho sinh viên). Khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải tổng hợp các điểm trên thành một điểm (theo thang điểm 0 và được làm tròn đến phần nguyên), thông qua bộ môn duyệt và nộp cho VP Khoa, phòng Đào tạo (theo mẫu chung của phòng ĐT).

Điều 9. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Khoa chuyên môn tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 5 sau kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số đơn vị học trình của học phần đó và được tính ít nhất nửa ngày cho mỗi đơn vị học trình. Thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi theo quy định dành cho hệ đào tạo Đại học chính quy.

Điều 10. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Việc ra đề thi được thực hiện theo quy định của Viện Đại học Mở Hà Nội.
2. Hình thức thi theo đề xuất của khoa chuyên môn có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Viện trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.
3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Điểm thi phải được công bố chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn. Việc bảo quản bài thi sau khi chấm được thực hiện theo quy định bảo quản bài thi đào tạo Đại học chính quy của Viện Đại học Mở Hà Nội. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn... ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận hoặc bài tập lớn.
4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp phải công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi khi hai giảng viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất được điểm chấm, các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định điểm chấm. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của hai giảng viên chấm thi và làm thành 3 bản. Bảng điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải được lưu tại bộ môn, gửi về văn phòng khoa và phòng đào tạo của trường chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.
5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi phụ sau đó.
6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được trưởng Khoa chuyên môn cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ sau đó và được tính là thi lần đầu. Những sinh viên này chỉ được dự thi lần thứ hai (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần tổ chức cho sinh viên các khóa học dưới hoặc trong học kỳ hè.
7. Trong trường hợp cả hai kỳ thi chính và phụ mà điểm học phần vẫn dưới 5 thì sinh viên phải đăng ký học lại học phần này với số lần được dự thi theo quy định như đối với một học phần mới.

Điều 11. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên.
2. Điểm trung bình chung học tập:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- **A**: là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học
- **a_i** : là điểm của học phần thứ **i**
- **n_i** : là số đơn vị học trình của học phần thứ **i**
- **N**: là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khóa học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học được tính đến hai chữ số thập phân.

b) Các điểm trung bình chung học tập để xét thôi học, ngừng tiến độ học, được học tiếp, để xét tốt nghiệp và điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập:

a) Loại đạt:

Từ 9 đến 10:	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9:	Giỏi
Từ 7 đến cận 8:	Khá
Từ 6 đến cận 7:	Trung bình khá
Từ 5 đến cận 6:	Trung bình

b) Loại không đạt:

Từ 4 đến cận 5:	Yếu
Dưới 4:	Kém

Chương IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 12. Thực tập cuối khóa, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp

1. Năm học cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp áp dụng cho sinh viên đại học đạt mức trung bình chung tích lũy $\geq 7,0$. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng là 15 đơn vị học trình.

b) Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp áp dụng cho sinh viên đại học không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và sinh viên cao đẳng, sau khi đã tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình. Nội dung thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm hai phần: phần kiến thức cơ sở ngành và phần kiến thức chuyên môn; được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc chương trình với tổng khối lượng kiến thức tương đương với khối lượng kiến thức của đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điều kiện được bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Nội dung các học phần thi, hình thức ôn tập và thi, hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn và trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và ôn thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy định đối với loại hình đào tạo chính quy.

3. Đối với một số ngành đào tạo đặc thù có các môn năng khiếu (thuộc lĩnh vực công nghệ, nghệ thuật, kiến trúc....) đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, các khoa chuyên môn có thể đề nghị Viện trưởng duyệt hình thức và nội dung thi tốt nghiệp.

Điều 13. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và chấm thi tốt nghiệp

1. Viện trưởng quyết định thành lập các hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, và chấm thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Số thành viên của mỗi hội đồng là 3, hoặc 5, hoặc 7, trong đó có chủ tịch và thư ký; Số sinh viên bảo vệ không quá 9 sinh viên/buổi bảo vệ; thời gian bảo vệ từ 20 đến 30 phút/1 sinh viên bảo vệ. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.

2. Sau khi sinh viên trình bày nội dung và trả lời các câu hỏi, các thành viên của Hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho điểm theo phiếu. Điểm đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người đánh giá và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

3. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp theo hình thức vấn đáp phải được công bố sau mỗi buổi bảo vệ, mỗi buổi thi. Kết quả thi viết được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc điểm thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khóa học. Sinh viên bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp khối kiến

thức giáo dục chuyên nghiệp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 14 của Quy định này nếu có điểm dưới 5, được nhà trường tổ chức cho bảo vệ hoặc thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung thi, hình thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, tổ chức bảo vệ đồ án hay khóa luận, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở kỳ bảo vệ chính hoặc kỳ thi chính do Viện trưởng quy định.

Điều 14. Điều kiện được dự thi tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được dự thi tốt nghiệp:

1. Tính đến thời điểm thi tốt nghiệp, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2. Đã học đủ các học phần quy định cho chương trình và không có học phần bị điểm dưới 5,0.

Điều 15: Hội đồng thi và xét tốt nghiệp

1. Thành phần Hội đồng thi và xét tốt nghiệp bao gồm:

- a) Chủ tịch là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền làm chủ tịch.
- b) Thư ký là trưởng Phòng đào tạo.
- c) Các ủy viên là các trưởng phòng, trưởng khoa có liên quan.
- d) Việc thành lập Hội đồng do Phòng Đào tạo trao đổi với các Khoa đề xuất nhân sự trình Viện trưởng quyết định.

2. Nhiệm vụ Hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường:

- a) Duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp;
- b) Duyệt danh sách sinh viên làm và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
- c) Quyết định hình thức thi tốt nghiệp;
- d) Tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 16. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên tấm bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khóa học quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khóa học;

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ nếu có.

4. Những sinh viên còn chưa hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, các môn thi tốt nghiệp hoặc các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc khóa học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp cùng với sinh viên các khóa dưới.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nhu cầu, được quyền làm đơn xin phép chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, bảo vệ đồ án, khóa luận (sau đây gọi tắt là thi, kiểm tra) nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai. Sinh viên vi phạm ở chương trình đào tạo nào thì xử lý ở chương trình đào tạo đó.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

VIỆN TRƯỞNG

TS. Lê Văn Thanh